TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Anh Pha, ông Nguyễn Tấn Bốn.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị Bích H,** sinh ngày 01 tháng 09 năm 1994 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Thẻ CCCD số: 051194016561; cấp ngày 16/02/2022. Nơi cấp: Cục C về TTXH. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Buôn bán.

Con ông Nguyễn P, sinh năm 1965; con bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1968; chồng Lê Văn T1, sinh năm 1988; bị cáo có 3 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Nguyễn Thị Bích H đang thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích H với chị Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1979; trú tại: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Nguyễn Trần Duy T3 có mối quan hệ quen biết. Vì H đang cần tiền tiêu xài nên khi nghe T3 nói T2 có nhu cầu vay tiền, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của T2, cụ thể:

Sáng ngày 11/4/2023, Nguyễn Thị Bích H nhắn tin từ zalo tên Bích H (tài khoản Zalo được đăng ký bằng số điện thoại 0376998562) đến tài khoản zalo của Trần Thị Ngọc T2 (zalo chị T2 đăng ký bằng số điện thoại 0822197469) hỏi chị T2 *"C mượn tiền hả"*, T2 trả lời *"Ừ đúng rồi em"*, T2 có nhắn cho H hỏi "*em chị nghe nói em cho vay tiền ah*" thì H trả lời "*3 năm nay rồi mà chị iu",* H hỏi tiếp *"C mượn nhiều k",* T2 nhắn tin lại với nội dung cần mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Mặc dù từ trước đến nay H hoàn toàn không có hoạt động cho vay và cũng không có khả năng cho chị T2 vay số tiền trên nhưng để tạo lòng tin cho chị T2, H nói rằng đã cho vay được ba năm. H đưa ra điều kiện vay là phải cọc số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để đảm bảo khoản vay, thì chị T2 đồng ý và cả hai thống nhất H cho chị T2 vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng).

Sau đó, H nhắn số tài khoản 0271000959923, Ngân hàng V, mang tên Nguyễn Thị Bích H đồng thời yêu cầu chị T2 chuyển khoản luôn số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) để làm hồ sơ cho nhanh, chị T2 đồng ý và đã chuyển 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) từ tài khoản 4800112345679, ngân hàng Q, mang tên Trần Thị Ngọc T2 đến số tài khoản trên cho H thông qua phần mềm trên điện thoại của T2 vào khoảng 10 giờ ngày 11/4/2023.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, H nhắn tin qua zalo cho chị T2 thì biết chị T2 có mua trả góp điện thoại là 5.000.000 đồng, H mới nhắn tin cho chị T2 với nội dung phải chèn khoản vay trả góp của chị T2, rồi lên hệ thống vay lại mới được, H nói sẽ hỗ trợ chị T2 một nửa tiền phí, còn lại chị T2 trả và yêu cầu chị T2 tiếp tục chuyển số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để ưu tiên khoản vay, thì T2 đồng ý chuyển số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) qua số tài khoản trên cho H vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/4/2023.

Sáng ngày 12/4/2023, H tiếp tục nhắn tin qua zalo cho chị T2 nói dối rằng đang chuẩn bị giải ngân tiền vay và yêu cầu chị T2 chuyển tiền phí giải ngân là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), chị T2 tin tưởng nên tiếp tục chuyển số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), vào số tài khoản trên cho H vào khoảng 10 giờ 10 phút cùng ngày.

Tất cả các lần Trần Thị Ngọc T2 chuyển tiền cho H được thực hiện thông qua phần mềm ngân hàng trên điện thoại của T2 và được thực hiện tại nhà của T2 ở xã N, huyện T.

Nguyễn Thị Bích H đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà T2 chuyển cho H tổng cộng 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này H sử dụng tiêu xài cá nhân hết và không giải ngân khoản vay cho chị T2.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã trả lại số tiền chiếm đoạt 7.800.000 đồng cho chị Trần Thị Ngọc T2, chị T2 nhận và không yêu cầu khiếu nại gì. Tại phiên tòa

chị T2 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 29/CT -VKSTN ngày 11/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Hình phạt bổ sung: không.

Qua tranh tụng tại phiên toà, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan; Bị cáo, bị hại không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp được sử dụng làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Thị Bích H là người có đủ sức khỏe, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình. Tuy nhiên, vì để có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định lừa đảo chị T2 để chiếm đoạt tài sản. Vào ngày 11/4/2023, khi biết chị Trần Thị Ngọc T2 có nhu cầu vay tiền, Nguyễn Thị Bích H mặc dù không có khả năng cho vay nhưng để chiếm đoạt tiền của chị T2, H nói dối rằng bản thân có hoạt động cho vay và nói sẽ cho T2 vay 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với điều kiện T2 phải đặt cọc tiền đảm bảo khoản vay. Bị cáo yêu cầu chị T2 chuyển cho bị cáo các khoản tiền đặt cọc, tiền chèn khoản vay và phí giải ngân với tổng số tiền là 7.800.000 đồng (bảy triệu, tám trăm nghìn đồng). Thảo tin tưởng và đồng ý vay, để được H giải ngân khoản vay nên T2 đã chuyển qua tài khoản ngân hàng cho H tổng số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám

trăm nghìn đồng) vào các ngày 11 và ngày 12 tháng 4 năm 2023. Số tiền này bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng tiêu xài cá nhân mà không giải ngân khoản vay cho chị T2 như đã thỏa thuận. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng); bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tình tiết tăng nặng: không.

[2.3] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự như đã nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nhưng chưa đến mức phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa về tội danh, mức hình phạt, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì UBND phường C có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự - Công an thành phố Q để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã nơi bị cáo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Cơ quan thi hành án hình sự - Công an thành phố Q có trách nhiệm làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Cơ quan thi hành án hình sự theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- CQCSĐT huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- Phòng NVLT Công an huyện Tư Nghĩa;
- Chi Cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Bốn Tạ Thị Anh Pha **Nguyễn Văn Hậu**